

LD VIETSOVPEYRO  
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/04/2025**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		MRRM+P2+BK3	7:25	19+1+0	0+0+0		8+6+8	0+0+0	
2		RC8+BK9+P10	7:25	6+0+15	0+0+0		0+6+13	0+0+0	
3		P6+TD2	9:25	12+9	0+0		11+11	0+0	
4		MRRM+TD2	9:25	18+1	0+0		5+17	0+0	
5		P9+TD3+CTK3+BK20	11:25	14+0+5+0	0+0+0+0		7+5+9+0	0+0+0+0	CHUYEN 1 CTK3-BK20
6		CLO+MRRM+TD2	11:25	3+17+0	0+0+0		1+0+21	0+0+0	

TTDBSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/04/2025	TO: MRM - P2 - BK3	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: PHÚ - VTHU - THÔNG -	ETA: 09:25
cam-1		MQUÁN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	SOROKIN VASILII	MRM	76-77	2	15			93	AMNGR	Russian
2	TIKHONOV EVGENY	MRM	75	1	2			102	AMNGR	Russian
3	GILAEV AZAT	MRM	60	1	11			102	AMNGR	Russian
4	CHEBYKIN KONSTANTIN	MRM	84	1	9			87	AMNGR	Russian
5	ZINNATULLIN AZAT	MRM	63-64	2	12			68	AMNGR	Russian
6	TRIFONOV STANISLAV	MRM	61	1	9			90	AMNGR	Russian
7	DAULETIAROV MAKSIM	MRM	62	1	15			94	AMNGR	Russian
8	LAPUKHIN VLADIMIR	MRM	74	1	14			89	AMNGR	Russian
9	SHCHETININ IVAN	MRM	65	1	10			78	AMNGR	Russian
10	LOGANOV VITALII	MRM	66	1	13			100	AMNGR	Russian
11	NGUYEN TÔ THANH	MRM	69-70	2	12			65	AMNGR	Vietnamese
12	HỒ MINH TÂN	MRM	78-79	2	7			88	AMNGR	Vietnamese
13	HỒ VĂN DƯƠNG	MRM	71-72	2	20			77	AMNGR	Vietnamese
14	HỒ VĂN THÔNG	MRM	82-83	2	19			84	AMNGR	Vietnamese
15	HUYNH TÂN BÌNH	MRM	80	1	4	1	20	64	AMNGR	Vietnamese
16	NGUYEN THANH TRUNG	MRM	73	1	13			73	AMNGR	Vietnamese
17	NGUYEN HOANG NAM	MRM	67-68	2	16			63	AMNGR	Vietnamese
18	VŨ ĐÌNH TUẤN	MRM	85-86	2	20			74	AMNGR	Vietnamese
19	TRƯỜNG TRỌNG THI	P2	23-25	3	14	2	30	74	T-TIN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	MRM	18	1.491	26	221	1	20	8		
2	P2	1	74	3	14	2	30	6		
3	BK3	0	0	0	0	0	0	8		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.565</b>	<b>29</b>	<b>235</b>	<b>3</b>	<b>50</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.565</b>		<b>235</b>		<b>50</b>			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/04/2025	TO: RC8 - BK9 - P10	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: LINH - HTRUNG - TOAN	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	KRAVTSOV ALEXANDR	RC8	69	1	16	1	12	75	DVL	Russian
2	VU TRUONG GIANG	RC8	63	1	12	4	45	65	DVL	Vietnamese
3	VU ANH TRONG	RC8	64	1	11			68	DVL	Vietnamese
4	NGUYEN MINH THAO	RC8	62	1	14			68	DVL	Vietnamese
5	PHAM VAN SANG	RC8	67-68	2	15			68	DVL	Vietnamese
6	LE MINH PHUONG	RC8	65-66	2	11			61	DVL	Vietnamese
7	VU VAN MANH	P10	34	1	2			81	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN HUU THE	P10						65	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐANG THANH TRUNG	P10	17	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN NGUYEN BAO MINH	P10	20	1	4			82	KH-THAC	Vietnamese
11	VU VAN KHA	P10	31-32	2	17			71	XAYLAP	Vietnamese
12	VU TU HUE	P10	25-27	3	18			55	XAYLAP	Vietnamese
13	PHAM CAO NHAN	P10	21-22	2	10			71	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN VAN TRANG	P10	29-30	2	12			60	XAYLAP	Vietnamese
15	HA ĐỨC KHANH	P10	15	1	15			69	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN VAN HIEU	P10	18	1	10	1	16	71	XAYLAP	Vietnamese
17	HỒ NGỌC THANH	P10	24	1	6			58	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN VAN NANG	P10	28	1	6			65	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN TIEN SY	P10	16	1	4			55	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN ANH QUANG	P10	23	1	5			62	PSV	Vietnamese
21	TRAN MAU SON	P10	33	1	7			74	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC8	6	405	8	79	5	57	0		
2	BK9	0	0	0	0	2	19	6		
3	P10	15	1.016	19	122	1	16	13		
TOTAL		21	1.421	27	201	8	92	19		
WEIGHT KG			1.421		201		92			

GRAND TOAL: 1.714 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/04/2025	TO: P6 - TD2	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:55
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: PHÚ - VTHU - THÔNG -	ETA: 11:45
<i>cam-2</i>		MQUẢN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN TRUNG CHINH	P6	22	1	17			97	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN ĐỨC ĐOAI	P6	23	1	13			60	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN VAN DIEN	P6	24	1	10			64	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN KHAC THO	P6	27	1	15	1	10	65	XAYLAP	Vietnamese
5	LE ĐANG ĐẠO	P6	16-17	2	14			70	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐANG XUÂN VAN	P6	13-14	2	9			81	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN VIET DUY	P6	18-19	2	22			78	XAYLAP	Vietnamese
8	HỒ NGHĨA DUNG	P6	20	1	16	1	9	79	XAYLAP	Vietnamese
9	LE VAN LAM	P6	25-26	2	19			78	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN ĐỨC HAO	P6	28	1	14			77	XAYLAP	Vietnamese
11	LE THANH TIEN	P6	15	1	11			87	XAYLAP	Vietnamese
12	KHUAT NGOC THANG	TD2	09	1	8	2	36	79	SEAMAP	Vietnamese
13	PHAM NGOC HUNG	TD2	10	1	8	3	69	76	SEAMAP	Vietnamese
14	LE TUAN NGHIA	TD2	04	1	7			73	KHOAN	Vietnamese
15	PHAM VAN THANG	TD2	05	1	9			83	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN KHAC HA TRUNG	TD2	07	1	7			73	KHOAN	Vietnamese
17	HOANG XUAN KIEN	TD2	06	1	5			69	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN VAN MINH	TD2	08	1	9			64	KHOAN	Vietnamese
19	NOROV DENIS	TD2	01-02	2	16	1	14	83	KHOAN	Russian
20	VANEEV DMITRIY	TD2	300	1	13			109	KHOAN	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P6	11	836	15	160	2	19	11		
2	TD2	9	709	10	82	6	119	11		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.545</b>	<b>25</b>	<b>242</b>	<b>8</b>	<b>138</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.545</b>		<b>242</b>		<b>138</b>			

GRAND TOAL: 1.925 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

*Li*



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/04/2025	TO: MRM - TD2	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: LINH - HTRUNG - TOAN	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	MERKULOV NIKITA	MRM	49	1	6			97	AMNGR	Russian
2	GALIAKHMETOV AIDAR	MRM	47-48	2	8			83	AMNGR	Russian
3	KISELNIKOV NIKOLAI	MRM	45-46	2	11			86	AMNGR	Russian
4	BARILENKO ALEKSANDR	MRM	300	1	14			125	AMNGR	Russian
5	PIKULSKII TIMUR	MRM	41-42	2	12			123	AMNGR	Russian
6	BOGOMOLOV DANIIL	MRM	43-44	2	10			89	AMNGR	Russian
7	GOLOVLEV NIKITA	MRM	50-51	2	15			103	AMNGR	Russian
8	GRITSENKO VLADIMIR	MRM	56-57	2	15			84	AMNGR	Russian
9	CHIRKIN DANIL	MRM	52-53	2	20			67	AMNGR	Russian
10	ZAPASNIK ILIA	MRM	54-55	2	10			107	AMNGR	Russian
11	HOANG XUAN CANH	MRM	89-90	2	16			71	AMNGR	Vietnamese
12	NGUYEN VAN DUNG	MRM	96	1	7			54	AMNGR	Vietnamese
13	TRUONG QUANG DAI	MRM	98-99	2	20			72	AMNGR	Vietnamese
14	TRAN ICH TAM	MRM	92	1	4	1	7	58	AMNGR	Vietnamese
15	TRAN VAN HIEU	MRM	94	1	6			52	AMNGR	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TU	MRM	93	1	8			68	AMNGR	Vietnamese
17	CU VAN TAN	MRM	95	1	9			66	AMNGR	Vietnamese
18	TRAN NGUYEN DAN	MRM	91	1	4			54	AMNGR	Vietnamese
19	DANG PHU LOI	MRM	97	1	5			63	NAM HAI	Vietnamese
20	HA THANH TUNG	TD2	26	1	10	2	21	87	KHOAN	Vietnamese
21	PHAM VAN CHIEN	TD2	28	1	4			74	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	MRM	19	1.522	29	200	1	7	5		
2	TD2	2	161	2	14	2	21	17		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.683</b>	<b>31</b>	<b>214</b>	<b>3</b>	<b>28</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.683</b>		<b>214</b>		<b>28</b>			

GRAND TOAL: 1.925 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/04/2025	TO: CLO - MRM - TD2	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: VIỆT - N.CUONG - HUY	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ THANH THÁI	CLO	84-85	2	17			92	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN MINH PHÚC	CLO	86-87	2	14			69	KHOAN	Vietnamese
3	ĐẶNG MINH TUẤN	CLO	81	1	18			86	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN THAI HOÀ	MRM	68	1	8	6	64	96	AMNGR	Vietnamese
5	ĐINH VĂN TÂM	MRM	67	1	5			58	AMNGR	Vietnamese
6	DUBOGRAEV MIKHAIL	MRM	72	1	11			87	AMNGR	Russian
7	KHATIPOV RUSLAN	MRM	76	1	11			71	AMNGR	Russian
8	NABOKOV ANDREY	MRM	73-74	2	18	1	14	88	AMNGR	Russian
9	SAVELEV NIKITA	MRM	78	1	11			90	AMNGR	Russian
10	SELIVANOV VLADISLAV	MRM	79-80	2	16			82	AMNGR	Russian
11	VANEEV ALEKSANDR	MRM	77	1	16			90	AMNGR	Russian
12	VŨ VĂN TRƯỜNG	MRM	66	1	9			70	AMNGR	Vietnamese
13	SUCHIN SUACHOI	MRM	69-70	2	24			64	AMNGR	Thailand
14	NGO VĂN BĂNG	MRM	61-62	2	18			64	AMNGR	Vietnamese
15	NGO VĂN HÙNG	MRM	63	1	6			65	AMNGR	Vietnamese
16	VŨ VĂN ĐÔNG	MRM	64	1	10			63	AMNGR	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN MINH	MRM	65	1	8			61	AMNGR	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN PHÚC	MRM	71	1	19			75	AMNGR	Vietnamese
19	KHOKHLOV V. N.	MRM	59-60	2	21			91	AMNGR	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CLO	3	247	5	49	0	0	1		
2	MRM	16	1.215	21	211	7	78	0		
3	TD2	0	0	0	0	0	0	21		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.462</b>	<b>26</b>	<b>260</b>	<b>7</b>	<b>78</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.462</b>		<b>260</b>		<b>78</b>			

GRAND TOAL: 1.800 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/04/2025	TO: P9 - TD3 - CTK3	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:15
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: ĐỨC - VTHU - THÔNG - MQUAN	ETA: 14:05
VANG3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN TRỌNG HIỀN	P9	45	1	5			51	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN THANH	P9	46	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ TUẤN VŨ	P9	49	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG NHẬT ANH	P9	40-41	2	20			55	T-TIN	Vietnamese
5	NGUYỄN NAM HAI	P9	47-48	2	13			72	T-TIN	Vietnamese
6	HOANG HỮU VINH QUY	P9	38	1	15			77	CODIEN	Vietnamese
7	LÊ ANH TUẤN	P9	35-36	2	13			71	CODIEN	Vietnamese
8	VŨ TIẾN PHỤNG	P9	39	1	11			72	CODIEN	Vietnamese
9	ĐO XUAN THĂNG	P9	37	1	15			82	CODIEN	Vietnamese
10	TRẦN MINH HOANG	P9	34	1	7	4	30	92	CODIEN	Vietnamese
11	ĐÀO VĂN KHOA	P9	44	1	6			60	PSV	Vietnamese
12	BUI VĂN QUÂN (1987)	P9	42	1	4			65	PSV	Vietnamese
13	LÊ VĂN VIỆT	P9	43	1	3			80	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC TUẤN	P9	50	1	9			73	PSV	Vietnamese
15	VŨ MẠU MÊN	CTK3	16	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM HỒNG SƠN	CTK3	26	1	16	1	5	63	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG THANH SƠN	CTK3	21-22	2	14			68	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN HOANG TRUNG	CTK3	19-20	2	18			76	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN THAI QUÂN	CTK3	17-18	2	19			62	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P9	14	983	17	132	4	30	7		
2	TD3	0	0	0	0	6	117	5		
3	CTK3	5	345	8	74	1	5	10		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.328</b>	<b>25</b>	<b>206</b>	<b>11</b>	<b>152</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.328</b>		<b>206</b>		<b>152</b>			

GRAND TOAL: 1.686 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN